TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/KDTM-ST
Ngày: 27-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Quý

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1708/2016/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 700/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1249/2018/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH A
Địa chỉ trụ sở: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, địa chỉ: Đường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2016/UQ-GĐ ngày 19 tháng 8 năm 2016)

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng H
Địa chỉ trụ sở: Đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2016, nguyên đơn là Công ty TNHH A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng H có ký Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015, nội dung hợp đồng: Bị đơn đồng ý mua và nguyên đơn đồng ý bán hàng hóa theo Bảng báo giá ngày 20 tháng 11 năm 2015 đính kèm; Tổng giá trị hợp đồng là 1.457.074.666 đồng; Thanh toán: Bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn 30% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng, thanh toán 70% còn lại trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Ngày 18 tháng 4 năm 2016, hai bên lập Bảng đối chiếu chi tiết công nợ, theo đó, tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2016, bị đơn còn nợ nguyên đơn 338.247.336 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ; Đến ngày 05 tháng 10 năm 2016, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 100.000.000 đồng, còn lại 238.247.336 đồng không thanh toán.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 238.247.336 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015 và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 24 tháng 6 năm 2016 tạm tính đến ngày 24 tháng 10 năm 2016 là 15.221.130 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng H, địa chỉ trụ sở: Đường G, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án: Bảng báo giá ngày 20 tháng 11 năm 2015; Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015; các hóa đơn giá trị gia tăng và Bảng đối chiếu chi tiết công nợ ngày 18 tháng 4 năm 2016, có cơ sở xác định hai bên có ký và thực hiện Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 238.247.336 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015, xét thấy:

[5] Theo Bảng đối chiếu chi tiết công nợ ngày 18 tháng 4 năm 2016 thì tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2016, bị đơn còn nợ nguyên đơn 338.247.336 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn 100.000.000 đồng, còn nợ 238.247.336 đồng chưa thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại, yêu cầu bị đơn thanh toán 238.247.336 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015 của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán, Hội đồng xét xử nhận định:

[7] Theo Văn bản số 192/NHNoHCM-KHNV ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản số 1281/CV.HCM-TH ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 1031/CNPHCM-KDTH ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 13,2%/năm.

[8] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi của số tiền chậm thanh toán từ ngày 24 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, căn cứ Thư thông báo ngày 26 tháng 7 năm 2016 do nguyên đơn xuất trình thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ 338.247.336 đồng chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2016. Do đó, tiền lãi của số tiền chậm thanh toán được tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến khi bị đơn thanh toán hết số tiền nêu trên.

[9] Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại thì bị đơn phải trả tiền lãi do chậm thanh toán là:

[10] Từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 đến ngày ngày 05 tháng 10 năm 2016 là 338.247.336 đồng x 13,2%/năm x 02 tháng 05 ngày = 8.061.562 đồng.

[11] Từ ngày 06 tháng 10 năm 2016 đến ngày 27 tháng 4 năm 2018 là: 238.247.336 đồng x 13,2%/năm x 01 năm 06 tháng 21 ngày = 49.007.477 đồng.

[12] Tổng cộng là 57.069.039 đồng.

[13] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.765.819 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A

Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A 238.247.336 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 021215/HT-AN/2015/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2015 và 57.069.039 đồng tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 27 tháng 4 năm 2018.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.765.819 đồng. Công ty TNHH A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty TNHH A 8.836.712 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004491 ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm